

Phụ lục IV
ĐƠN GIÁ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI CÂY TRỒNG XEN
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND ngày tháng 5 năm 2025
của UBND tỉnh Đắk Lắk)

TT	Loại cây	Tuổi cây	Đơn giá bồi thường (đồng/cây)		
			Loại A	Loại B	Loại C
1	Cây Sầu riêng thường (mật độ 69 cây/ha)				
		Trồng mới và chăm sóc dưới 12 tháng	303.000	242.000	169.000
		Chăm sóc năm thứ 2	394.000	315.000	221.000
		Chăm sóc năm thứ 3	551.000	441.000	309.000
		Chăm sóc năm thứ 4	880.000	704.000	493.000
		Kinh doanh năm 1	1.554.000	1.243.000	870.000
		Kinh doanh năm 2	2.101.000	1.681.000	1.177.000
		Kinh doanh năm 3	2.656.000	2.125.000	1.488.000
		Kinh doanh năm 4 trở lên	3.026.000	2.421.000	1.695.000
2	Cây Sầu riêng ghép (mật độ 69 cây/ha)				
		Trồng mới và chăm sóc dưới 12 tháng	441.000	353.000	247.000
		Chăm sóc năm thứ 2	560.000	448.000	314.000
		Chăm sóc năm thứ 3	765.000	612.000	428.000
		Kinh doanh năm 1	2.639.000	2.111.000	1.478.000
		Kinh doanh năm 2	4.146.000	3.317.000	2.322.000
		Kinh doanh năm 3	5.662.000	4.530.000	3.171.000
		Kinh doanh năm 4 trở lên	7.190.000	5.752.000	4.026.000
3	Cây hồ tiêu (mật độ 555 cây/ha)				
		a) Giai đoạn kiến thiết cơ bản			
		Trồng mới và chăm sóc dưới 12 tháng	79.500	63.600	44.500
		Chăm sóc năm thứ 2	116.800	93.400	65.400
		Chăm sóc năm thứ 3	162.200	129.700	90.800
		b) Giai đoạn kinh doanh			
		Năm thứ 1 đến năm thứ 2	462.200	369.700	258.800
	Năm thứ 3 trở đi	618.500	494.800	346.300	
4	Cây Bơ thường (mật độ 69 cây/ha)				
		Trồng mới và chăm sóc dưới 12 tháng	176.000	141.000	99.000
		Chăm sóc năm thứ 2	252.000	202.000	141.000
		Chăm sóc năm thứ 3	382.000	306.000	214.000
		Chăm sóc năm thứ 4	643.000	514.000	360.000
	Kinh doanh năm 1	1.068.000	854.000	598.000	

TT	Loại cây	Tuổi cây	Đơn giá bồi thường (đồng/cây)		
			Loại A	Loại B	Loại C
		Kinh doanh năm 2	1.303.000	1.042.000	729.000
		Kinh doanh năm 3	1.985.000	1.588.000	1.112.000
		Kinh doanh năm 4 trở lên	2.359.000	1.887.000	1.321.000
5	Cây Bơ ghép, bơ booth (mật độ 69 cây/ha)				
		Trồng mới và chăm sóc dưới 12 tháng	222.000	178.000	125.000
		Chăm sóc năm thứ 2	309.000	247.000	173.000
		Chăm sóc năm thứ 3	457.000	366.000	256.000
		Kinh doanh năm 1	1.140.000	912.000	638.000
		Kinh doanh năm 2	2.339.000	1.871.000	1.310.000
		Kinh doanh năm 3	3.736.000	2.989.000	2.092.000
		Kinh doanh năm 4 trở lên	4.757.000	3.806.000	2.664.000

Ghi chú:

1. Vườn trồng cây lâu năm có trồng xen là cây che bóng, chắn gió, cây ăn quả hoặc trồng xen cây hàng năm giai đoạn kiến thiết cơ bản thì tính mức bồi thường của cây trồng chính theo đúng mật độ quy định cộng thêm giá trị của cây trồng xen theo quy trình trồng xen được quy định.

2. Các cây trồng xen tại Phụ lục này được xác định là cây trồng xen trong vườn cây cà phê theo quy định.

3. Tiêu chí đánh giá chất lượng cây trồng theo loại A, B, C được quy định chi tiết tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Quyết định này.